TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HSST
Ngày: 03/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vi Ngọc Trung

- Bà Phạm Thị Nghị

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 06/06/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 21/06/2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị M - Sinh ngày 10/6/1975. Tại xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi thường trú: Khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Khu 6, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Quàng, (đã chết); và bà Đinh Thị Dục. Sinh năm 1946; Chồng: Nguyễn Văn Đoạt. Sinh năm: 1970. Hiện đã ly hôn. Có 02 con: Nguyễn Quỳnh Nga, Sinh năm: 1994; Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1997; Tiền án: không; tiền sự: không.

*Nhân thân: - Tại bản án phúc thẩm số: 153/HSPT ngày 21/10/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: "Cố ý gây thương tích". Hiện bị cáo Phạm Thị M đã thi hành xong phần hình sự, dân sự và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ hình sự trong thời hạn 09 (chín) ngày kể từ 16 giờ 00 phút ngày 13/10/2023 đến 16 giờ 00 phút ngày 22/10/2023. Tạm giam kể từ ngày 22/10/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Chị Trương Thị H – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: bản Chăm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Trần Thị Nga – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: bản Cổi Khiêu, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2, Chị Phạm Thị Huệ - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu 7, Thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3, Chị Cao Thị Sen – Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Khu 7, Thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

4, Chị Cao Thị Đào – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu phố Tén Tằn, Thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, Thanh Hóa

5, Chị Cao Thị Nhung – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu 7, Thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị Nga, chị Huệ, chị Sen, chị Đào, chị Nhung đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Trương Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/9/2007

Địa chỉ: bản Chăm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích thu lời bất chính nên trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 Phạm Thị M sinh năm 1975, thường trú tại khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa (là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng) đã cho nhiều người vay tiền (tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam) với lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 30.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm đến 1095%/năm, gấp 5,47 lần đến 54,7 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Quá trình cho vay, Minh yêu cầu người vay viết giấy vay tiền nhưng không ghi lãi suất, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng hoặc không viết giấy vay tiền. Người vay phải trả tiền lãi tại thời điểm nhận vay và trả dần số tiền gốc nếu vay theo hình thức ngắn hạn (vay trong vòng 30 ngày hoặc 50 ngày, lãi suất 4000đ/triệu/ngày đến 5000đ/triệu/ngày); hoặc trả lãi theo tháng nếu vay theo hình thức dài hạn. Mục đích cho vay tiền là để lấy lãi và thu lợi bất chính, bằng thủ đoạn trên, Phạm Thị M đã cho những người có tên sau vay tiền để lấy lãi, thu lợi bất chính, cụ thể là:

1. **Trần Thị Ng** sinh năm 1988, thường trú bản Cổi Khiêu, xã Phú Nghiêm, Quan Hóa, Thanh Hóa. M trực tiếp đưa tiền mặt cho chị Nga và nhận tiền gốc + tiền lãi bằng cách chị Nga chuyển khoản từ tài khoản số 3523205052717 ngân hàng Agribank của chị Nga đến tài khoản số 3523205077123 ngân hàng Agribank của Minh:

- Khoảng tháng 11/2022, Minh cho chị Nga vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thỏa thuận trong thời hạn 50 ngày, lãi suất 4000đ/triệu/ngày, gấp 7,3 lần lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Khoản vay này chị Nga đã trả đầy đủ tiền gốc 20 triệu đồng và tiền lãi 4 triệu đồng. Đối với khoản vay này, tiền lãi tối đa là ***547.945đ*** (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), số tiền Minh đã thu lợi bất chính là **3.452.055đ** (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Ngày 03/01/2023, M cho chị Nga vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp, lãi suất 20.000đ/triệu/ngày, gấp 36,5 lần lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Đến ngày 27/5/2023, chị Nga xin giảm lãi thì Minh đồng ý giảm còn 3000đ/triệu/ngày, gấp 5,5 lần lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Từ ngày 27/5/2023, chị Nga không còn khả năng trả tiền gốc và tiền lãi, không có thỏa thuận chấm dứt tính lãi. Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 27/5/2023, số tiền lãi có thể thu được là **87.000.000đ** (Tám mươi bảy triệu đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là **2.383.562đ** (Hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Từ ngày 28/5/2023 đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi có thể thu được là **12.510.000đ** (Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là **2.284.932đ** (Hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Do đó, tổng số tiền lãi có thể thu là **99.510.000đ** (Chín mươi chín triệu năm trăm mười nghìn đồng), tổng số tiền lãi tối đa được phép thu là **4.668.493đ** (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), tổng số tiền thu lời bất chính có thể thu là **94.841.507đ** (Chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng). Số tiền lãi thực tế mà chị Nga đã trả là **85.000.000đ** (Tám mươi lăm triệu đồng).

- Về khoản vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào tháng 01/2023, sau khi tiến hành đối chất giữa chị Nga và bị cáo M, xác định khoản vay có lãi suất 4000đ/triệu/ngày, thời gian vay là 50 ngày, tiền lãi chị Nga đã trả cho Minh là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tiền lãi tối đa M được phép thu là **273.972đ** (Hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), do đó Minh đã thu lợi bất chính **1.726.028đ** (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng).

Tổng số tiền M cho chị Nga vay là **60.000.000đ** *(Sáu mươi triệu đồng)*. Minh chỉ được phép thu tối đa ***5.490.410đ*** *(Năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính Minh có thể thu được là **100.019.590đ** *(Một trăm triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm chín mươi đồng)*. Tổng số tiền lãi thực tế chị Nga đã trả cho Minh là **91.000.000đ** *(Chín mươi mốt triệu đồng)*.

2. **Phạm Thị Huệ** sinh năm 1990, thường trú khu 7, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa: Minh đưa tiền đưa tiền mặt cho chị Huệ và nhận tiền gốc + tiền lãi bằng cách chị Huệ chuyển khoản từ tài khoản số 3523205020060, ngân hàng Agribank của chị Huệ đến tài khoản số 3523205077123 ngân hàng Agribank của Minh:

- Ngày 31/01/2018, M cho chị Huệ vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất vay 70.000đ/triệu/tháng. Đến ngày 01/01/2020 chị Huệ đã trả toàn bộ tiền gốc, khoản vay này đã tất toán và lãi suất không vượt quá 05 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (70.000đ/triệu/tháng, gấp 4,258 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự), đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

- Ngày 20/01/2023, M cho chị Huệ vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày. Vì có mâu thuẫn trong việc xác định tổng số tiền lãi đã trả (Minh khai chị Huệ trả 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), chị Huệ khai đã trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), nên sau khi tiến hành đối chất giữa bị cáo M và chị

Huệ, xác định: Tổng số tiền lãi chị Huệ đã trả cho M là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Đối với khoản vay này, xác định lãi suất vay là 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Tiền lãi tối đa là **328.767đ** (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), do đó Minh đã thu lợi bất chính **3.671.233đ** (Ba triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

- Ngày 10/02/2023, M cho chị Huệ vay 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất 4000đ/triệu/ngày. Tính đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi có thể thu là **34.440.000đ** (Ba mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi tối đa là **4.717.808đ** (Bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng), số tiền thu lợi bất chính M có thể chiếm đoạt là **29.722.192đ** (Hai mươi chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

- Ngày 12/4/2023, M cho chị Huệ vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), vì có mâu thuẫn trong việc xác định lãi suất vay (Minh khai lãi suất vay là 5000đ/triệu/ngày, chị Huệ khai lãi suất vay là 2.000.000đ/07 ngày), nên sau khi tiến hành đối chất giữa bị cáo Minh và chị Huệ, xác định: Lãi suất vay của khoản vay là 5000đ/triệu/ngày. Tính đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi Minh có thể thu là **46.250.000đ** (Bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi tối đa là **5.068.493đ** (Năm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính Minh có thể chiếm đoạt là **41.181.507đ** (Bốn mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định chị Huệ đã trả cho M tổng số tiền lãi đối với hai khoản vay 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là **72.800.000đ** (Bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền M cho chị Huệ vay là **155.000.000đ** *(Một trăm năm mươi lăm triệu đồng)*, trong đó số tiền cho vay có lãi suất vượt quá 5 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự là **105.000.000đ** *(Một trăm linh năm triệu đồng)*. Tiền lãi tối đa là **10.115.068đ** (Mười triệu một trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng). Số tiền thu lợi bất chính Minh có thể thu được là **74.574.932đ** (Bảy mươi tư triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Tổng số tiền lãi chị Huệ đã trả cho M là **76.800.000đ** *(Bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*.

3. **Cao Thị Sen**, sinh năm 1999, thường trú khu 7, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa. M trực tiếp đưa tiền mặt cho chị Sen vay, nhận tiền gốc + tiền lãi bằng cách chị Sen chuyển khoản đến tài khoản số 3523205077123, tại ngân hàng Agribank của M hoặc trực tiếp đưa tiền mặt cho M.

Từ ngày 27/11/2022 đến ngày 13/9/2023, M cho chị Sen vay 08 (tám) lần, số tiền cho vay từ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), lãi suất vay từ 4000đ/triệu/ngày (12%/tháng) đến 5000đ/triệu/ngày (15%/tháng), gấp 7,3 đến 9,125 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể:

- Ngày 27/11/2022, M cho chị Sen vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với

khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***273.973đ*** (Hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng). M đã thu lợi bất chính số tiền **1.726.027đ** (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Khoảng tháng 12/2022, M cho chị Sen vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trong thời hạn 02 tháng, lãi suất thỏa thuận 5000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***328.767đ*** (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **2.671.233đ** (Hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

- Ngày 19/3/2023, M cho chị Sen vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 5000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***164.384đ*** (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **1.335.616đ** (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Ngày 07/4/2023, M cho chị Sen vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thời hạn 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tiền lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***410.959đ*** (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **2.589.041đ** (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Ngày 21/4/2023, M cho chị Sen vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thời hạn 02 tháng, thỏa thuận mỗi tháng chị Sen phải trả cho Minh số tiền lãi 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), tương đương 14%/tháng. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***164.384đ*** (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **1.235.616đ** (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Ngày 13/6/2023, M cho chị Sen vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tiền lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***410.959đ*** (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **2.589.041đ** (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Ngày 25/7/2023, M cho chị Sen vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thời hạn 01 tháng, thỏa thuận mỗi tháng chị Sen phải trả cho Minh số tiền lãi 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), tương đương 12%/tháng. Chị Sen đã trả đủ tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Đối với

khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***82.192đ*** (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng). M đã thu lợi bất chính số tiền **517.808đ** (Năm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

- Ngày 13/9/2023, M cho chị Sen vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Sen đã trả tiền lãi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và tiền gốc là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), còn nợ tiền gốc là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***410.959đ*** (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **2.589.041đ** (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

Như vậy, tổng số tiền M cho chị Sen vay là **85.000.000đ** *(Tám mươi lăm triệu đồng)*. Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***2.246.575đ*** *(Hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính mà Minh đã chiếm đoạt của chị Sen là **15.253.425đ** *(Mười lăm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*. Tổng số tiền lãi mà chị Sen đã trả là **17.500.000đ** *(Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

4. **Cao Thị Đào**, sinh năm 1976, thường trú khu phố Tén Tằn, thị trấn Mường Lát, Mường Lát, Thanh Hóa. M trực tiếp đưa tiền mặt cho chị Đào, nhận tiền gốc + tiền lãi bằng cách chị Đào chuyển khoản đến tài khoản số 3523205077123, ngân hàng Agribank của Minh hoặc trực tiếp đưa tiền mặt cho Minh.

- Ngày 20/4/2022, M cho chị Đào vay số tiền **60.000.000đ** (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5000đ/triệu/ngày, chị Đào phải thế chấp 01 (một) sổ hộ khẩu, 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học. Đến tháng 7/2022 giảm còn 2.777đ/triệu/ngày. Áp dụng: Nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính ngày thỏa thuận giảm lãi suất là ngày 01/7/2022. Số tiền gốc chị Đào chưa thanh toán được. Từ tháng 9/2022 chị Đào chưa trả thêm tiền lãi cho khoản vay này. Từ ngày 20/4/2022 đến ngày 30/6/2022, số tiền lãi có thể thu được là **21.600.000đ** (Hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là **2.367.123đ** (Hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi có thể thu được là **78.311.400đ** (Bảy mươi tám triệu ba trăm mười một nghìn bốn trăm đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là **15.452.055đ** (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Do đó, tổng số tiền lãi có thể thu là **99.911.400đ** (Chín mươi chín triệu chín trăm mười một nghìn bốn trăm đồng), tổng số tiền lãi tối đa là **17.819.178đ** (Mười bảy triệu tám trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), tổng số tiền thu lời bất chính Minh có thể thu là **82.092.222đ** (Tám mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng). Đối với khoản vay này, chị Đào đã trả lãi cho Minh 02 (hai) lần với tổng số tiền **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

- Ngày 28/8/2022, M cho chị Đào vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Số tiền gốc chị Đào chưa thanh toán được, trong năm 2023 chị Đào chưa trả thêm tiền lãi cho khoản vay này. Từ ngày 28/8/2022 đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi Minh có thể thu là **82.400.000đ** (Tám

mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là **11.287.671đ** (Mười một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng). Số tiền thu lời bất chính Minh có thể thu là **71.112.329đ** (Bảy mươi mốt triệu một trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Đối với khoản vay này, chị Đào đã trả lãi cho M 03 (ba) lần với tổng số tiền **28.000.000đ** (Hai mươi tám triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền M cho chị Đào vay là **110.000.000đ** (Một trăm mười triệu đồng). Tính đến ngày 13/10/2023, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là **29.106.849đ** (Hai mươi chín triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng). Số tiền thu lợi bất chính M có thể thu được là **153.204.551đ** (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm linh tư nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng). Tổng số tiền lãi thực tế mà chị Đào đã trả là **48.000.000đ** *(Bốn mươi tám triệu đồng)*.

5. **Mai Thị Nhung**, sinh năm 1990, thường trú khu 7, TT. Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa. M trực tiếp đưa tiền mặt cho chị Nhung, nhận tiền gốc + tiền lãi bằng cách chị Nhung chuyển khoản đến tài khoản số 3523205077123, ngân hàng Agribank của M hoặc trực tiếp đưa tiền mặt cho Minh.

- Tháng 9/2020, M cho chị Nhung vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trong thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***547.945đ*** (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **3.452.055đ** (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Tháng 02/2021, M cho chị Nhung vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) trong thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***1.369.863đ*** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **8.630.137đ** (Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

- Tháng 6/2021, M cho chị Nhung vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***1.369.863đ*** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **8.630.137đ** (Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

- Tháng 7/2021, M cho chị Nhung vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là **547.945đ** (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **3.452.055đ** (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Ngày 12/8/2022, bà Mai Thị Huệ là mẹ đẻ của chị Nhung vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất 4000đ/triệu/ngày, thời gian vay là 50 (năm mươi) ngày. Bà Huệ vay hộ cho chị Nhung để kinh doanh. Minh tính tổng tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và đưa cho bà Huệ 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Theo thoả thuận, bà Huệ đã trả trước toàn bộ tiền lãi và trong vòng 50 (năm mươi) ngày bà Huệ chỉ phải trả toàn bộ tiền gốc. Chị Nhung đã trả tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền lãi tối đa là **547.945đ** (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính M đã chiếm đoạt là **3.452.055đ** (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Tháng 9/2022, M cho chị Nhung vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***821.918đ*** (Tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng). M đã thu lợi bất chính số tiền **5.178.082đ** (Năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

- Tháng 9/2022, M cho chị Nhung vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20000đ/triệu/ngày. Chị Nhung chưa trả tiền gốc và không xác định được số tiền lãi mà chị Nhung đã trả. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính ngày bắt đầu khoản vay là 30/9/2022. Đến ngày 13/10/2023, tiền lãi có thể thu là **75.800.000đ** (Bảy mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa là **2.076.712đ** (Hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Số tiền thu lời bất chính có thể thu là **73.723.288đ** (Bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

- Tháng 11/2022, M cho chị Nhung vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***1.369.863đ*** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Minh đã thu lợi bất chính số tiền **8.630.137đ** (Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

- Tháng 12/2022, M cho chị Nhung vay 15 lần, mỗi lần 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả đủ gốc và tổng số tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***164.384đ*** (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng). M đã thu lợi bất chính số tiền **5.835.616đ** (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Tháng 01/2023, M cho chị Nhung vay 15 lần, mỗi lần 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả đủ gốc và tổng số tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đối với khoản vay này, M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***164.384đ*** (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng). M đã thu lợi bất chính số tiền **5.835.616đ** (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Tháng 3/2023, M cho chị Nhung vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 30.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung chưa trả tiền gốc, không có căn cứ xác định số tiền lãi mà chị Nhung đã trả. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính ngày bắt đầu khoản vay là 31/3/2023. Tính đến ngày 13/10/2023, tiền lãi có thể thu là **177.300.000đ** (Một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa là **3.238.356đ** (Ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền thu lời bất chính có thể thu là **174.061.644đ** (Một trăm bảy mươi tư triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi tư đồng).

- Ngày 09/3/2023, M cho chị Nhung vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung chưa trả tiền gốc và không xác định được số tiền lãi mà chị Nhung đã trả. Tính đến ngày 13/10/2023, tiền lãi có thể thu là **87.600.000đ** (Tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa là **2.400.000đ** (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền thu lời bất chính có thể thu là **85.200.000đ** (Tám mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ngày 13/3/2023, M cho chị Nhung vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 20.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung chưa trả tiền gốc và không xác định được số tiền lãi mà chị Nhung đã trả. Tính đến ngày 13/10/2023, tiền lãi có thể thu là **86.000.000đ** (Tám mươi sáu triệu đồng), số tiền lãi tối đa là **2.356.164đ** (Hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng). Số tiền thu lời bất chính có thể thu là **83.643.836đ** (Tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Ngày 14/3/2023, M cho chị Nhung vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 30.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung chưa trả tiền gốc và không xác định được số tiền lãi mà chị Nhung đã trả. Tính đến ngày 13/10/2023, tiền lãi có thể thu là **192.600.000đ** (Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền lãi tối đa là **3.517.808đ** (Ba triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng). Số tiền thu lời bất chính có thể thu là **189.082.192đ** (Một trăm tám mươi chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

- Ngày 20/3/2023, chị Nhung vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, thời gian vay là 50 (năm mươi) ngày. M tính tổng tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đưa cho chị Nhung 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Theo thoả thuận, chị Nhung đã trả trước toàn bộ tiền lãi và trong vòng 50 (năm mươi) ngày chị Nhung chỉ phải trả toàn bộ tiền gốc. Chị Nhung mới trả cho Minh 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền gốc và còn nợ 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi tối đa là **1.369.863đ** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính Minh đã chiếm đoạt là **8.630.137đ** (Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

- Tháng 6/2023, M cho chị Nhung vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất thỏa thuận 4.000đ/triệu/ngày. Chị Nhung đã trả tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đối với khoản vay này, Minh chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là ***1.369.863đ*** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Minh đã thu

lợi bất chính số tiền **8.630.137đ** (Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

Như vậy, tổng số tiền M đã cho chị Nhung vay là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng). M chỉ được phép thu tối đa số tiền lãi là **23.232.876đ** *(Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính Minh có thể thu được là **676.067.124đ** *(Sáu trăm bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tư đồng)*. Tổng số tiền lãi mà chị Nhung đã trả cho M là **80.000.000đ** *(Tám mươi triệu đồng)*.

Quá trình điều tra, xác định Phạm Thị M còn cho 03 (ba) người vay tiền với lãi suất từ 3%/tháng đến 6%/tháng, tương đương 36%/năm đến 72%/năm, chưa vượt quá 05 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự và quá trình điều tra xác định được số tiền lãi đã trả. Cách thức đưa tiền và nhận tiền là M trực tiếp đưa tiền cho người vay, người vay sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền lãi vào tài khoản số 3523205077123, tại ngân hàng Agribank của M:

1. **Hà Thị Nghệ**, sinh năm 1979, thường trú khu 5, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Ngày 10/12/2020, M cho chị Nghệ vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, gấp 3,6 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Chị Nghệ trả lãi đến đầu năm 2023 thì xin giảm lãi suất và Minh đồng ý, từ thời điểm này lãi suất mới là 5%/tháng, gấp 3 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự. Chị Nghệ đã trả tiền lãi là 39.200.000đ (Ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) cho Minh và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính mà M đã thu được là **27.824.658đ** (Hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

2. **Phạm Thị Hải**, sinh năm 1985, thường trú khu 1, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

- Tháng 7/2022, M cho chị Hải vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận mỗi tháng chị Hải phải trả 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền lãi, tương đương 4,67%/tháng, gấp 2,8 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự. Chị Hải trả lãi đều đặn cho Minh và từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, mỗi tháng chị Hải trả thêm 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền gốc, hiện tại chị Hải còn nợ Minh 141.000.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) tiền gốc. Tính đến ngày 13/10/2023, số tiền lãi mà chị Hải đã trả cho Minh là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng). Số tiền Minh đã thu lợi bất chính là **67.500.000đ** (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tháng 11/2022, M cho chị Hải vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và không lấy lãi.

3. **Lê Thị Tư**, sinh năm 1980, thường trú khu 4, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Tháng 01/2022, M cho chị Tư vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6%/tháng. Tháng 03/2022, chị Tư tiếp tục vay Minh 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), gộp vào khoản vay đầu tiên thành khoản vay mới là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 6%/tháng. Quá trình điều tra không xác định được số tiền lãi mà chị Tư đã trả.

Tổng số tiền M đã cho 03 (ba) người trên vay là **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng), số tiền M đã thu lợi bất chính là **95.324.658đ** (Chín mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng). Tuy nhiên, lãi suất cho vay chưa vượt quá 05 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Như vậy, đối với khoản vay này chưa đến mức xử lý bằng pháp luật hình sự, mà chỉ là vi phạm hành chính. Công an huyện Quan Hóa đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thị Minh về hành vi *"Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự"*, quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 12 - Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thị M.

Ngoài ra Phạm Thị M còn cho 5 người có tên sau vay tiền với lãi suất vay chưa vượt quá 05 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự, tuy nhiên đã hết thời hiệu xử phạt hành chính, cụ thể:

1. **Trần Thị Hồng**, sinh năm 1976, thường trú khu 7, thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Năm 2019, Minh cho chị Hồng vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1.000đ/triệu/ngày. Chị Hồng đã trả tiền lãi đến năm 2022 thì thỏa thuận với Minh chỉ trả tiền gốc. Đối với khoản vay này, Minh đã thu lợi bất chính số tiền **16.000.000đ** (Mười sáu triệu đồng).

2. **Hà Thị Thanh**, sinh năm 1977, thường trú khu 4, TT. Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Tháng 9/2019, Minh cho chị Thanh vay 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2000đ/triệu/ngày, đến tháng 9/2020 giảm xuống còn 1.000đ/triệu/ngày và tháng 9/2021 thì không tính lãi suất. Chị Thanh đã trả cho Minh tổng số tiền gốc là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng). Quá trình điều tra không xác định được số tiền lãi mà chị Thanh đã trả.

3. **Hà Thị Nga**, sinh năm 1978, thường trú khu 5, TT. Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Tháng 01/2019, Minh cho chị Nga vay 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, đến tháng 9/2022 thì không tính lãi suất. Quá trình điều tra không xác định được số tiền lãi mà chị Nga đã trả.

4. **Trương Thị Hương**, sinh năm 1979, thường trú bản Chăm, xã Phú Nghiêm, Quan Hóa, Thanh Hóa:

Đầu năm 2019, Minh cho chị Hương vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thỏa thuận mỗi tháng chị Hương phải trả 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Quá trình điều tra không xác định được số tiền lãi mà chị Hương đã trả.

5. **Hà Thị Chiến**, sinh năm 1966, thường trú khu 6, TT. Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa: Minh cho chị Chiến vay 02 (hai) lần với tổng số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và không lấy lãi.

Quá trình điều tra M còn khai nhận đã cho những người có tên sau vay tiền, gồm: Trương Văn Sâm, sinh năm 1975, thường trú bản Cổi Khiêu, xã Phú Nghiêm; Phạm Thị Nhì, sinh năm 1973, thường trú bản Đồng Tâm, xã Phú Nghiêm; Hà Thị Nhật, sinh năm 1977, thường trú bản Poọng Ka Me, xã Phú Nghiêm; Nguyễn Thị Chiến, sinh năm 1969, thường trú khu 7, TT. Hồi Xuân, Quan Hóa. Tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản vay là có cơ sở, do đó không đủ căn cứ để xử lý.

- Quá trình điều tra bị cáo Phạm Thị M tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả.

*** Về hành vi phạm tội: Cưỡng đoạt tài sản.**

Quá trình điều tra xác định: Đầu năm 2019, Phạm Thị M cho chị Trương Thị Hương, sinh năm 1979, trú tại bản Chăm, xã Phú Nghiêm, Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thỏa thuận mỗi tháng chị Hương phải trả 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi, không thỏa thuận cầm cố tài sản. Chị Hương trả tiền lãi cho Phạm Thị Minh bằng cách trực tiếp đến nhà và trả tiền cho chị M hoặc nhờ con gái chị Hương mang tiền đến trả cho chị M. Cụ thể:

Cuối tháng 8/2022, chị Trương Thị Hương (là người vay tiền của M) đưa xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 36H5 - 035.20, số khung RLHJF3312DY484446, số máy JF33E0564564 của chị Hương cho con gái đẻ là Trương Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/9/2007 chở chị là Trương Tiểu Vi, sinh năm 2005, trú tại bản Chăm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hoá cả hai cùng đi đến cây ATM huyện Quan Hóa để rút tiền trả cho M. Do cây rút tiền bị lỗi không rút được tiền, nên cháu Hiền và cháu Vi đi xe mô tô biển kiểm soát 36H5 - 035.20 đến nhà M để khất nợ. Tuy nhiên Phạm Thị Minh không đồng ý việc khất nợ nên Minh chửi bới và to tiếng với cháu Hiền và Vi là: *"Không mang tiền lên trả thì để xe máy lại đây cho tao"*. Cháu Hiền trả lời: "*Việc này cháu không biết, không phải xe của cháu, để cháu gọi cho mẹ cháu"*. Sau đó cháu Hiền gọi điện thoại báo cho mẹ đẻ là chị Hương, phía Minh thì yêu cầu cháu Hiền đưa điện thoại để Minh nói chuyện. Minh chửi bới chị Hương về việc chị Hương không trả tiền cho mình, cương quyết không cho chị Hương khất nợ và nói: *"Nếu không mang tiền lên trả thì để xe máy lại đây, khi nào mang đủ 10 triệu lên thì lấy xe về"*. Sau đó Phạm Thị Minh đưa điện thoại cho cháu Hiền để nói chuyện với mẹ là chị Hương. Chị Hương bảo con xin xe với bác Minh về nhưng cháu Hiền trả lời là: *" Bác Minh không cho"*. Nên chị Hương bảo hai cháu đi bộ về, thì cháu Hiền bảo mẹ gọi anh trai lên đón, nhưng lúc đó anh trai đi vắng nên hai cháu đi bộ về.

Còn M thì lấy chìa khoá xe máy của cháu Hiền đang cầm trên tay rồi tự dắt chiếc xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 36H5 - 035.20 từ khoảng sân phía trước nhà của Minh qua cửa xếp để đưa vào trong sân nhà (phần sân lợp mái tôn thường gọi là "bán bình" tiếp nối với ngôi nhà của bị cáo). Sau khi dắt xe máy vào trong M lấy chìa khóa mở cốp xe, yêu cầu cháu Hiền lấy hết đồ cá nhân trong xe ra, còn Minh chỉ giữ lại xe và 01 (một) đăng kí xe mang tên Trương Thị Hương. Phía cháu Hiền và cháu Vi thì đi bộ về nhà.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 36H5-035.20, số khung RLHJF3312DY484446, số máy JF33E0564564 chủ sở hữu hợp pháp là chị Trương Thị Hương

Tại bản kết luận số: 12a/ KL-HĐĐGTS ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Hóa kết luận: 01 (một) xe máy: 36H5-035.20, nhãn hiệu HONDA, số loại: VISION, màu sơn: xanh, số máy: F33E-0564564, số khung: 3312DY484446, dung tích: 108cc, biển kiểm soát: 36H5-035.20, thời điểm mua: 2014 tại: Cửa hàng xe máy Cường Nhung. Địa chỉ: Thị trấn Hồi Xuân, Quan Hóa, Thanh Hóa, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 002273 cấp ngày 12/6/2014 nêu trên có giá trị (bằng tiền) là: 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trương Thị Hương. Chị Hương không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và bồi thường về tinh thần đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..

Về vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) quyển sổ có bìa màu cam, được đánh số thứ tự từ 01 đến 25 đối với những trang có nội dung là chữ số, chữ viết, trên mỗi trang đều có chữ kí xác nhận của Phạm Thị M; 01 (một) hợp đồng vay tiền hoặc cầm cố tài sản ngày 11/01/2019 giữa Phạm Thị M và Nguyễn Minh Phương, sinh năm 1977, trú tại khu 2, thị trấn Quan Hóa, Quan Hóa (số tiền vay ghi trong hợp đồng là 72.000.000đ). Tất cả được đựng trong 01 (một) phong bì do Công an huyện Quan Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ kí, chữ viết của các ông, bà: Hà Mạnh Hùng, Đào Thị Hương, Phạm Thị Dụ, Phạm Thị M và 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa.

- Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) hiện đang lưu gửi tại Kho bạc nhà nước Quan Hóa.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS - QH ngày 05/06/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Thị M về tội: " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự " theo khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự và tội: " Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Quan Hoá vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thị Minh từ 06 đến 09 tháng tù. Áp dụng: Khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thị M từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/10/2023. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Trương Thị Hương đã nhận lại chiếc xe máy không yêu cầu Phạm Thị M bồi thường gì thêm nên miễn xét. Vật chứng của vụ án: - 01 (một) quyển sổ có bìa màu cam và 01 (một) hợp đồng vay tiền hoặc cầm cố tài sản ngày 11/01/2019 giữa Phạm Thị M và Nguyễn Minh Phương là tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a,b khoản 2 điều 106 BLTTHS, Điều 46, điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS:

+ Tịch thu toàn bộ số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng; Tịch thu toàn bộ số tiền lãi tương ứng với mức 20% theo quy định của BLDS, đây là số tiền bị cáo có được từ việc phạm tội; Buộc những người vay tiền của bị cáo Minh nhưng chưa trả tiền gốc phải nộp lại những khoản nợ này để tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền bị cáo Minh thu lời bất chính của 05 người vay, tất cả những người này đều không yêu cầu bị cáo Minh trả lại số tiền này, đề nghị miễn xét.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

. **Về án phí:** Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phạm Thị M đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến 2023 Phạm Thị Minh đã dùng số tiền cá nhân của mình cho nhiều người vay lãi nặng nhằm thu lời bất chính. Trong đó phần lãi nặng trong giao dịch dân sự được xác định đối với những người: Trần Thị Nga, Phạm Thị Huệ, Cao Thị Sen, Cao Thị Đào và Mai Thị Nhung vay tiền với lãi suất cao, từ 3.000đ/triệu/ngày đến 30.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm đến 1095%/năm, gấp 5,47 lần đến 54,7 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền **1.019.119.622đ** *(Một tỷ không trăm mười chín triệu một trăm mười chín nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng).* Số tiền lãi thực tế Minh đã thu được là **313.300.000đ** (Ba trăm mười ba triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là **62.660.000đ** (Sáu mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thực tế Minh đã thu lợi bất chính là **250.640.000đ** (Hai trăm năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Hành vi của Phạm Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xuất phát từ việc chị Trương Thị Hương vay tiền của M nhưng chưa trả cho Minh nên Phạm Thị M còn uy hiếp về tinh thần của cháu Trương Thị Thu Hiền là con gái của chị Trương Thị Hương để lấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu xanh, biển kiểm soát 36H5 - 035.20 (xe của chị Hương) trong lúc cháu Trương Thị Thu Hiền đến nhà của Minh để khất nợ cho mẹ, M đã lấy chiếc xe làm phương tiện sử dụng. Hành vi của Phạm Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ

luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hoá truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Vào năm 1998 đã bị xét xử về hành vi: "Cố ý gây thương tích" đã được xoá án tích, nhưng không chịu lấy đó làm bài học để tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân lại tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung..

[3] Xét về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự " Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là " phạm tội 2 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Có 03 tình tiết giảm nhẹ là "tự nguyện khắc phục hậu quả", "thành khẩn khai báo" và "đầu thú" được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tội " Cưỡng đoạt tài sản " Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có 03 tình tiết giảm nhẹ là "thành khẩn khai báo", " sự việc phạm tội của bị cáo có phần lỗi của người bị hại do vay tiền quá hạn vẫn không trả" và "người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt" được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo sớm trở về đoàn tụ gia đình trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[4] Về hình phạt tiền bổ sung: Bị cáo thu lời bất chính nên cần thiết phải phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Tịch thu toàn bộ số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng. Theo nguyên tắc những khoản bị cáo cho vay có thoả thuận thời hạn trả mà khi trong thời hạn này hoặc người vay tiền chưa trả khoản vay này mà người vay lại vay một khoản khác thì số tiền cho vay 02 lần này sẽ được cộng lại để xác định là số tiền gốc (phương tiện phạm tội) để tịch thu. Còn nếu hết thời hạn vay hoặc người vay đã trả xong mà người vay lại vay khoản mới thì xác định đây là số tiền quay vòng, chỉ xác định khoản vay ban đầu là số tiền gốc (phương tiện phạm tội) để tịch thu. Nếu khoản vay sau nhiều hơn khoản vay trước thì số tiền chênh lệch sau này được xác định là số tiền gốc (phương tiện phạm tội) để tịch thu. Như vậy xác định tổng số tiền gốc bị cáo đã bỏ ra cho những người vay là là 438.000.000 đồng

(Bốn trăm ba mươi tám triệu đồng). Vì những số tiền này là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên truy thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo đã nộp 50.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả nên số tiền này được trừ vào số tiền gốc bị cáo phải nộp. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 388.000.000 đ (Ba trăm tám mươi tám triệu đồng).

+ Tịch thu toàn bộ số tiền lãi tương ứng với mức 20% theo quy định của BLDS, đây là số tiền bị cáo có được từ việc phạm tội, tổng số tiền là **62.660.000đ** (Sáu mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Đây là số tiền thực tế bị cáo đã thu được của những người vay.

- Tổng số tiền bị cáo Phạm Thị M phải nộp lại vào Ngân sách Nhà nước là: 450.660.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Buộc chị Cao Thị Sen nộp lại số tiền vay của bị cáo M chưa trả là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) vào ngân sách nhà nước. Buộc chị Mai Thị Nhung nộp lại số tiền vay của bị cáo Minh chưa trả là 152.000.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính do những người vay không yêu bị cáo trả lại nên miễn xét.

[6] Đối với những khoản vay chưa đến mức xử lý hình sự (do lãi suất vay chưa vượt quá 05 lần quy định trong Bộ luật dân sự). Công an huyện Quan Hóa đã đề nghị Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Phạm Thị M về hành vi: *"Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự"*, quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 12 - Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Chủ tịch UBND huyện Quan Hoá đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Phạm Thị M là phù hợp Pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) quyển sổ có bìa màu cam và 01 (một) hợp đồng vay tiền hoặc cầm cố tài sản ngày 11/01/2019 giữa Phạm Thị M và Nguyễn Minh Phương là tài liệu liên quan đến vụ án cần lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện Quan Hoá và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hoá trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội: " Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 điểm g khoản 1 điều 52 và điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Phạm Thị M 08 (tám) tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Phạm Thị M 13 (mười ba) tháng tù..

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự, Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày giam giữ (13/10/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: - Áp dụng: Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng: Điều 46, điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước cụ thể các khoản sau:

+ Buộc bị cáo Phạm Thị M phải nộp lại tổng số tiền 450.660.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) vào Ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Cao Thị Sen phải nộp lại số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Mai Thị Nhung phải nộp lại số tiền 152.000.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu giữ vào trong hồ sơ vụ án: - 01 (một) quyển sổ có bìa màu cam và 01 (một) hợp đồng vay tiền hoặc cầm cố tài sản ngày 11/01/2019 giữa Phạm Thị M và Nguyễn Minh Phương.

* Án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Phạm Thị M nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Phạm Thị M. Vắng mặt người bị hại chị Trương Thị Hương và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Nga, Phạm Thị Huệ, Cao Thị Sen, Cao Thị Đào và chị Mai Thị Nhung. Bị cáo Phạm Thị M và chị Trương Thị Hương có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Nga, Phạm Thị Huệ, Cao Thị Sen, Cao

Thị Đào và chị Mai Thị Nhung được quyền kháng cáo bản án về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Công an H. Quan Hoá;
- VKSND H. Quan Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA H. Quan Hoá;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ toạ phiên toà**

Vi Ngọc Trung **Phạm Thị Nghị** **Phạm Văn Hùng**